TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 136/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 448/2025/HNST ngày 20 tháng 06 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Mai H, sinh năm 1981;

2. Ông Tạ Đào Lê D, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: 57A Đường 43, khu phố 4, phường Quy, Thành phố H (từ ngày 1/7/2025 địa chỉ là 57A Đường 43, phường Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà TMH và ông TD thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyển số 01/2005, đăng ký ngày 18/03/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình chung sống, giữa bà TMH và ông TD phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà TMH và ông TD không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà TMH và ông TD xác nhận trong quá trình chung sống có 02 con chung tên TDM (Giới tính: Nam), sinh ngày 17/09/2006 (Đã trưởng thành) và TCB (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/3/2012; Cả hai thỏa thuận: Bà TMH sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng TCB. Ông TD không cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận nuôi con giữa bà TMH và ông TD là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận

[3] Về tài sản chung: Không có

[4] Về nợ chung: Không có

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà TMH và ông TD chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà TMH và ông TD thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyển số 01/2005, đăng ký ngày 18/03/2005 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Bà TMH và ông TD xác nhận trong quá trình chung sống có 02 con chung tên TDM (Giới tính: Nam), sinh ngày 17/09/2006 (Đã trưởng thành) và TCB (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/3/2012; Cả hai thỏa thuận: Bà TMH sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng TCB. Ông TD không cấp dưỡng nuôi con.

Ông TD có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà TMH và ông TD tự nguyện chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0062947 ngày 20 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà H và ông D đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND KV6;
- Chi cục THADS KV6;
- Cơ quan nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Tiên).

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Vy